TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 32/2021/QĐST-HNGĐ	*Mai Sơn, ngày 25 tháng 01 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 105/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2022 về xin ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Anh Lò Văn D, sinh năm 1995. Nơi ĐKHKTT: V, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Bị đơn: Chị Lò Thị T, sinh năm 1999. Nơi ĐKHKTT: V, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 01 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 01 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lò Văn D và chị Lò Thị T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về tình cảm:

Anh Lò Văn D và chị Lò Thị T thống nhất thuận tình ly hôn.

b. Về con chung:

Anh Lò Văn D và chị Lò Thị T có 02 con chung là cháu Lò Văn Bảo B, sinh ngày 07/11/2016 và cháu Lò Thị Thanh M, sinh ngày 10/10/2019.

Giao cháu Lò Văn Bảo B cho anh D là người trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu B trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Giao cháu Lò Thị Thanh M cho chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu M trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Sau khi ly hôn, anh chị được quyền thăm nom con; không ai được cản trở anh chị thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

c. Về tài sản chung vợ chồng: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

d. Về nợ chung vợ chồng: Không có.

e. Về án phí: Anh Lò Văn D nhận chịu án phí xin ly hôn là 150.000 VNĐ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng),* được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000VNĐ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu Tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0001338 ngày 11 tháng 01 năm 2022 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, anh D được nhận lại 150.000VNĐ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- UBND xã Chiềng Ban, huyện Mai Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Tráng A Tếnh